

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU
BẢN VIỆT
(VCAMFI)**

Tháng 01 Năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	9
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	9
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ quỹ chào bán.....	9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ	10
Điều 6. Công ty quản lý quỹ	10
Điều 7. Ngân hàng giám sát	10
CHƯƠNG II.....	11
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	11
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	11
Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư	11
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	12
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ.....	14
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	14
CHƯƠNG III.....	15
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ .	15
Điều 13. Nhà đầu tư	15
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	15
Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư	17
Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ quỹ	18
Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ	20
Điều 18. Giá phát hành và Giá mua lại	21
Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ quỹ	22
CHƯƠNG IV.....	22
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	22
Điều 20. Đại hội Nhà đầu tư	22
Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư	23
Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư	24
Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.....	25
CHƯƠNG V	26
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	26
Điều 24. Ban đại diện Quỹ.....	26
Điều 25. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ	26
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	27
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ	28

Điều 28. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ	28
Điều 29. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ	28
Điều 30. Hoạt động của Ban đại diện Quỹ	28
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ.....	29
CHƯƠNG VI.....	30
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	30
Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ	30
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ	30
Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ	35
Điều 35. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ.....	36
CHƯƠNG VII	37
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	37
Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát	37
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát	37
Điều 38. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát	39
Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát.....	40
CHƯƠNG VIII.....	41
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	41
Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền.....	41
Điều 41. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	41
Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	41
Điều 43. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	42
Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	43
CHƯƠNG IX.....	44
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	44
Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối	44
Điều 46. Hoạt động của Đại lý phân phối.....	44
Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ.....	45
Điều 48. Chấm dứt hoạt động của Đại lý phân phối.....	46
CHƯƠNG X	46
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	46
Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán.....	46
Điều 50. Năm tài chính	47
Điều 51. Chế độ kế toán.....	47
Điều 52. Báo cáo tài chính	47
Điều 53. Báo cáo khác	47
CHƯƠNG XI.....	47
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	47
Điều 54. Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ	47

Điều 55. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng	48
Điều 56. Đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư.....	48
Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	49
CHƯƠNG XII	50
THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	50
Điều 58. Thu nhập của Quỹ	50
Điều 59. Các chi phí do Nhà đầu tư trả.....	50
Điều 60. Các chi phí do Quỹ trả.....	50
Điều 61. Phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	52
CHƯƠNG XIII.....	53
HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH VÀ GIẢI THỂ QUỸ	53
Điều 62. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ	53
Điều 63. Chia, tách Quỹ.....	53
Điều 64. Giải thể Quỹ	53
CHƯƠNG XIV.....	54
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	54
Điều 65. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ	54
CHƯƠNG XV	54
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	54
Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư.....	54
Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	55
Điều 68. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành.....	55
PHỤ LỤC 1.....	57
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	57
PHỤ LỤC 2.....	59
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	59
PHỤ LỤC 3.....	60
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	60
PHỤ LỤC 4.....	61
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	61

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; và
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; và
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 30/06/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/08/2021; và
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 102/2021/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/11/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013; và
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 05/09/2011 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019; và
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- “Quỹ” hoặc “VCAMFI”** : là Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bản Việt, một quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan và Điều lệ này.
- “Công ty quản lý quỹ”** : là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt, được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/08/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). Công ty quản lý quỹ được uỷ thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
- “Ngân hàng giám sát”** : là Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Giấy phép thành lập và hoạt động số: 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003, và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006. Ngân hàng giám sát, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 37 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
- “Công ty kiểm toán”** : là một Công ty kiểm toán độc lập được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, chấp thuận theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
- “Điều lệ” hoặc “Điều lệ Quỹ”** : là Điều lệ này, bao gồm cả các phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp lệ tại từng thời điểm (nếu có).

“Bản cáo bạch”	: là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán, phát hành, mua lại và lưu hành Chứng chỉ quỹ, Bản cáo bạch.
“Hợp đồng giám sát”	: là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	: là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, có sở hữu Chứng chỉ quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	: là Đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và tại Điều lệ này. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Ban đại diện Quỹ”	: là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.
“Vốn điều lệ”	: là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi tại Điều 4 Điều lệ này.
“Chứng chỉ quỹ” hoặc “Đơn vị quỹ”	: là loại chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 (một) Chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam.
“Giá bán”/“Giá phát hành”	: là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ để mua một Chứng chỉ quỹ. Giá bán hay giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ;
“Giá mua lại”	: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư để mua lại một Chứng chỉ quỹ và được xác định như quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
“Giá dịch vụ quản lý Quỹ”	: là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đã được quy định tại Điều lệ này.
“Giá dịch vụ phát hành”	là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, và quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

“Giá dịch vụ mua lại”	: là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ quy định tại Điều 18 Điều lệ này.
“Năm tài chính”	: được quy định tại Điều 50 của Điều lệ này.
“Giá trị tài sản ròng” hoặc “NAV”	: là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Sổ tay định giá.
“Ngày định giá”	: là một Ngày làm việc mà tại ngày đó Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của Luật chứng khoán và Sổ tay định giá.
“Ngày giao dịch” hoặc “Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ”	: là một Ngày làm việc mà tại ngày đó Công ty quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	: là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch trong Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ.
“Luật chứng khoán”	: là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
“Ngày làm việc”	: là bất kỳ ngày nào (ngoại trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật) mà tại ngày đó thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Người có liên quan”	: có nghĩa như khái niệm “ <i>Người có liên quan</i> ” được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
“Sổ tay định giá”	: là tài liệu do Công ty quản lý quỹ lập ra được Ban đại diện Quỹ phê duyệt nhằm mục đích cung cấp phương pháp định giá trung thực và công bằng để định giá tài sản của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định pháp luật.
“Sở giao dịch chứng khoán”	: là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
“VNĐ” hoặc “Đồng Việt Nam” hoặc “đồng”	: là đồng tiền pháp định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“UBCKNN”	: là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

1. Tên Quỹ đầu tư
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢN VIỆT**
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Viet Capital Fixed Income Fund
 - Tên viết tắt: VCAMFI
2. Địa chỉ liên hệ: Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. Điện thoại: (+8428) 3823 9909
4. Fax: (+8428) 3824 6329

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ được hoạt động kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi bị chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở, hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, và các quy định của Điều lệ này.
2. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ quỹ đã phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành
3. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để (i) giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát; và (ii) thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ này và quy định pháp luật.
5. Công ty quản lý quỹ do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ.
6. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ quỹ chào bán

1. Chứng chỉ quỹ
 - a) Mệnh giá của một Chứng chỉ quỹ là 10.000 (bằng chữ: mười nghìn) Đồng Việt Nam.
 - b) Giá trị của một Chứng chỉ quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm đó.
2. Vốn điều lệ Quỹ
 - a) Vốn điều lệ Quỹ huy động trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn

này được chia thành 5.000.000 (bằng chữ: năm triệu) Chứng chỉ quỹ.

- b) Vốn điều lệ Quỹ do các Nhà đầu tư đóng góp bằng tiền Đồng Việt Nam bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân hàng giám sát.
3. Quỹ không bị giới hạn số lượng Chứng chỉ quỹ tối đa được phép phát hành hay lưu hành, trừ khi Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.
4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

1. Tên Công ty quản lý quỹ
- Tên bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**
 - Tên bằng tiếng Anh: Viet Capital Asset Management JSC
 - Tên viết tắt: VCAM
2. Giấy phép hoạt động số: 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
3. Địa chỉ liên hệ: Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
4. Điện thoại: (+8428) 3823 9909
5. Fax: (+8428) 3824 6329

Điều 7. Ngân hàng giám sát

1. Tên Ngân hàng giám sát
- Tên bằng tiếng Việt: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**
 - Tên bằng tiếng Anh: Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam
2. Giấy phép thành lập và hoạt động số: 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).
3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 02/05/2003; Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.
4. Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5. Điện thoại: (+84) 2439343137
6. Fax: (+84) 2439349527

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% Giá trị tài sản ròng trở lên.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với UBCKNN.

Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty quản lý quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành.

Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư: Quỹ đầu tư đa dạng vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

3. Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm:

- a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ quỹ đại chúng;
- đ) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;

- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
 - g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
4. Trong trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này thì phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Có quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch;
 - b) Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và
 - c) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
5. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
6. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
- a) Được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;
 - b) Trong trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc Giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, Công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Hạn mức đầu tư của Quỹ được quy định chi tiết tuân thủ các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:
- a) Quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% Giá trị tài sản ròng trở lên.
 - b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công

ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục 4 Điều lệ Quỹ.

- d) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 3, Điều 9 Điều lệ này;
 - e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - g) Không được đầu tư vào Chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;
 - h) Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào Chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các Chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
2. Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm b, c, d, đ và h khoản 1, Điều 10 Điều lệ này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - đ) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp sai lệch là do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải:
- a) điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện sai lệch; và
 - b) chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh danh mục đầu tư; và
 - c) bồi thường các tổn thất và thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Quỹ; và/hoặc
 - d) nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
5. Trong thời hạn năm (05) Ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu

tư, Công ty quản lý quỹ phải:

- a) công bố thông tin theo quy định; và
- b) thông báo cho UBCKNN về: (i) các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư; và (ii) nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc; và (iii) mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có); và (iv) biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện:
 - a) các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; hoặc
 - b) các giao dịch bán khống, giao dịch cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này.

Với phương pháp này Quỹ sẽ lựa chọn danh mục đầu tư bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá:

Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý, cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ:

Lựa chọn các công cụ nợ trên cơ sở đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ, mức độ hấp dẫn của lợi tức và khả năng thanh khoản của trái phiếu, công cụ nợ đó.
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu:

Lựa chọn trái phiếu của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ cao, được xem xét cụ thể trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố cơ bản của tổ chức phát hành.

Lựa chọn trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán và trái phiếu

chính quyền địa phương được xem xét cụ thể trên cơ sở nhận định về xu hướng lãi suất và tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu:

Lựa chọn các cổ phiếu có giá trị cơ bản, tiềm năng tăng trưởng và tỷ suất cổ tức hợp lý được xem xét cụ thể trong bối cảnh nền kinh tế và tác động của các chính sách của Chính phủ.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác:

Lựa chọn các tài sản đầu tư khác phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối. Văn bản thông báo phải được ký hợp lệ bởi người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức đó.
3. Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ đang quản lý với mức giá giao dịch áp dụng tương tự như đối với các Nhà đầu tư khác tham gia vào Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền sau đây:
 - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ quỹ sở hữu;
 - b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
 - c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan;
 - d) Quyền tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - đ) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - e) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ như sau:

- a) Chấp hành, tuân thủ các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ hoặc của Công ty quản lý quỹ nếu được giao, ủy quyền để đưa ra các quyết định đó;
 - b) Thanh toán đầy đủ tiền mua số Chứng chỉ quỹ đăng ký và/hoặc cam kết mua trong thời hạn quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ quỹ;
 - c) Cung cấp đầy đủ các thông tin của Nhà đầu tư theo quy định; và
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Bên cạnh các quyền được quy định tại khoản 1 Điều này, Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - b) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Có căn cứ xác thực về việc Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) Ngày làm việc trước ngày khai mạc;
4. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà

đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho Đại lý chuyển nhượng lập, quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sau đây gọi là “**Sổ chính**”) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ (sau đây gọi là “**Sổ phụ**”) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ chính, Sổ phụ (nếu có) phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
 - b) Tổng số Chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - c) Danh sách Nhà đầu tư, bao gồm:
 - (i) Thông tin Nhà đầu tư:
 - Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc; Số điện thoại liên lạc; Địa chỉ email (nếu có);
 - Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch; địa chỉ trụ sở chính; số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập; Họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ quỹ;
 - (ii) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số Tài khoản Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
 - (iii) Số lượng Chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán.
 - d) Ngày lập sổ đăng ký Nhà đầu tư.
3. Công ty quản lý quỹ, Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư theo quy định, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.
4. Nếu có thay đổi thông tin Nhà đầu tư trong sổ đăng ký Nhà đầu tư, Nhà đầu tư phải thông báo kịp thời thông tin mới bằng văn bản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan để cập nhật vào sổ đăng ký Nhà đầu tư. Việc thay đổi thông tin của Nhà đầu tư chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan nhận được thông báo thay đổi thông tin

mới này. Trong mọi trường hợp, Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào từ việc không nhận được thông báo thay đổi thông tin của Nhà đầu tư.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ quỹ

1. Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ quỹ:
 - a) Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản Nhà đầu tư tại Đại lý phân phối, theo một trong hai dạng sau: (i) tài khoản của Nhà đầu tư (đứng tên Nhà đầu tư); hoặc (ii) tiểu khoản của Nhà đầu tư (tài khoản giao dịch trên tài khoản ký danh đứng tên của đại lý ký danh);
 - b) Trước khi mở tài khoản Nhà đầu tư, Đại lý phân phối phải tổng hợp, thẩm định thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và thông tin phòng chống rửa tiền theo mẫu mà pháp luật quy định. Khi đó, Đại lý phân phối có thể quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp Nhà đầu tư để yêu cầu cung cấp thông tin;
 - c) Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư phải được gửi tới Đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ;
 - d) Việc thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ trực tuyến phải đảm bảo phù hợp các quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan;
2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều lệ này và đã được công bố tại Bản cáo bạch.
3. Tần suất giao dịch của Quỹ:
 - a) Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần;
 - b) Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật;
 - c) Việc thay đổi tần suất giao dịch, thời điểm thay đổi tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch được thông báo cho Ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ tại kỳ họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng;
4. Lệnh mua của Nhà đầu tư phải được gửi kèm theo các tài liệu hợp lệ xác nhận rằng Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát xác nhận với Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan rằng đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, đại lý ký danh. Các nội dung chi tiết về lệnh mua Chứng chỉ quỹ được thực hiện theo quy định tại Bản cáo bạch.

Số lượng Chứng chỉ quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng Chứng chỉ quỹ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} - \text{Giá dịch vụ phát hành}}{\text{Giá trị đơn vị tính toán}}$$

**Giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ quỹ tại
Ngày giao dịch**

Số lượng Chứng chỉ quỹ được phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số lượng Chứng chỉ quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.

5. Lệnh bán Chứng chỉ quỹ được chấp nhận để thực hiện khi được gửi tới Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh, và số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại lý chuyển nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư đó nắm giữ.

6. Số tiền Nhà đầu tư nhận được được tính theo công thức sau:

Giá trị bán được nhận = Số lượng Chứng chỉ quỹ được mua lại x Giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ quỹ tại Ngày giao dịch - Giá dịch vụ mua lại

Số tiền Nhà đầu tư nhận được sẽ bằng giá trị bán được nhận trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).

Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà số lượng đăng ký bán dẫn tới các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

7. Lệnh chuyển đổi (nếu có): là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu bán Chứng chỉ quỹ để mua Chứng chỉ quỹ của quỹ khác cùng thuộc Công ty quản lý quỹ. Lệnh chuyển đổi và Giá dịch vụ chuyển đổi được thực hiện theo quy định tại Bản cáo bạch và các quy định pháp luật có liên quan.

- a) Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các Chứng chỉ quỹ mở khi Công ty quản lý quỹ có từ hai (02) quỹ mở trở lên. Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh;
- b) Nhà đầu tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ quỹ sở hữu. Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi: Lệnh bán đối với Chứng chỉ quỹ bị chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng chỉ quỹ của quỹ mục tiêu. Các lệnh được thực hiện tại các Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ của các quỹ tương ứng;
- c) Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi Quỹ và thông tin cụ thể đến Nhà đầu tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối. Nhà đầu tư thanh toán Giá dịch vụ chuyển đổi, phí dịch vụ chuyển tiền, và thuế (nếu phát sinh) mà không phải thanh toán Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại trên số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định tại Bản cáo bạch;
- d) Nhà đầu tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển đổi phụ thuộc vào thời gian xác nhận giao dịch của quỹ mục tiêu;
- đ) Lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần như quy định tại Điều 17 dưới đây;
- e) Các trường hợp chuyển đổi không hợp lệ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ:
 - (i) Lệnh chuyển đổi được gửi tới Đại lý phân phối sau Thời điểm đóng sổ lệnh;

- (ii) Số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng chỉ quỹ đang sở hữu.

8. Phương thức thanh toán:

Mọi thanh toán liên quan đến giao dịch Chứng chỉ quỹ phải được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản qua tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản của Nhà đầu tư được hưởng lợi.

Tiền bán Chứng chỉ quỹ được chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Nhà đầu tư đăng ký chậm nhất là ba (03) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ. Số tiền bán Chứng chỉ quỹ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị. Phí chuyển khoản sẽ được trừ vào số tiền bán Chứng chỉ quỹ này. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà đầu tư trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ khi Công ty quản lý quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng

9. Thời điểm đóng sổ lệnh: là mười bốn giờ bốn mươi lăm phút (14h45) chiều Ngày làm việc liền trước của Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ. Các lệnh mua, bán hay chuyển đổi Chứng chỉ quỹ chỉ được thực hiện nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận hợp lệ trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
10. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Chứng chỉ quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, Thời điểm đóng sổ lệnh, phương thức thanh toán, giá dịch vụ của giao dịch và các quy định liên quan đến chương trình đầu tư định kỳ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ

1. Thực hiện một phần lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ

- a) Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi hợp lệ của Nhà đầu tư khi xảy ra một số trường hợp sau:
- (i) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi, nếu có) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi, nếu có) tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% Giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - (ii) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 (bằng chữ: năm mươi tỷ) Đồng Việt Nam;
 - (iii) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư không thể thực hiện được do tính thanh khoản của thị trường thấp hoặc một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở giao dịch chứng khoán.
- b) Khi thực hiện một phần lệnh giao dịch, Công ty quản lý quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, cụ thể phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch;
- c) Phần còn lại của các lệnh giao dịch chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy bỏ. Nhà đầu tư có

nhu cầu thực hiện lệnh giao dịch phải đăng ký trong các kỳ giao dịch tiếp theo.

2. Tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ

- a) Chứng chỉ quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - (i) Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - (ii) Công ty quản lý quỹ không thể xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá để mua lại Chứng chỉ quỹ do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - (iii) Các sự kiện khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc UBCKNN do xét thấy là cần thiết.
- b) Trừ trường hợp theo yêu cầu khác của UBCKNN, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Công ty quản lý quỹ phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt;
- c) Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ do Công ty quản lý quỹ thông báo cho Nhà đầu tư, tùy thuộc vào tình hình thực tế, nhưng không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ;
- d) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ;
- đ) Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 18. Giá phát hành và Giá mua lại

- 1. Giá phát hành lần đầu ra công chúng của một Chứng chỉ quỹ bằng mệnh giá của Chứng chỉ quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành (nếu có).
- 2. Giá bán một Chứng chỉ quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp sau (nếu có).
- 3. Giá mua lại của một Chứng chỉ quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có).
- 4. Khi thực hiện chuyển đổi Chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở do Công ty quản lý quỹ quản lý, Nhà đầu tư thanh toán Giá dịch vụ chuyển đổi, phí dịch vụ chuyển tiền, và thuế (nếu phát sinh) mà không phải thanh toán Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại trên số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định tại Bản cáo bạch.
- 5. Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi là giá dịch vụ liên quan đến giao dịch Chứng chỉ quỹ, được Công ty quản lý quỹ thông báo tại từng thời điểm, nhưng không được vượt quá mức giá dịch vụ tối đa theo quy định pháp Luật chứng khoán.

Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại hội Nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Nếu có đề nghị của Ban đại diện Quỹ thì thời hạn tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính và phải thông báo cho UBCKNN. Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định hiện hành.
3. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được Công ty quản lý quỹ triệu tập họp trong những trường hợp sau đây:
 - a) Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành theo quy định pháp luật;

Việc tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư (trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư).

4. Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo đúng quy định tại khoản 3 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Nếu Công ty quản lý quỹ tiếp tục không triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư trong thời hạn ba mươi (30) ngày theo quy định tại khoản 3 Điều này, thì trong thời hạn ba (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát có quyền triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thay thế cho Công ty quản lý quỹ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được xây dựng theo quy định sau:

- a) Công ty quản lý quỹ phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư;
- b) Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định pháp luật và chậm nhất năm (05) Ngày làm việc trước ngày khai mạc. Công ty quản lý quỹ phải chấp nhận và đưa kiến nghị nêu trên vào chương trình và nội dung cuộc họp được dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều này. Kiến nghị đó được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận trong phiên khai mạc;
- c) Công ty quản lý quỹ có thể từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 5 Điều này theo quy định sau:
 - (i) Công ty quản lý quỹ chỉ được từ chối nếu có một trong các lý do sau đây: (1) kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản 5 Điều này; hoặc (2) vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - (ii) Công ty quản lý quỹ phải trả lời bằng văn bản (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư kiến nghị chậm nhất là hai (02) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư.
- d) Chậm nhất bảy (07) Ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải:
 - (i) gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan cho UBCKNN; và
 - (ii) công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

Đại hội Nhà đầu tư có các quyền và nhiệm vụ quyết định những nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
2. Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ này; tăng mức phí hay giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho quỹ;
7. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
8. Các quyền khác theo quy định của pháp Luật chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có thể tham gia đại hội bằng một trong các hình thức sau:
 - a) Trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư; hoặc
 - b) Ủy quyền bằng văn bản (bao gồm cả văn bản ủy quyền được đính kèm theo thông báo gửi đến Công ty quản lý quỹ bằng thư điện tử hoặc thư bảo đảm hoặc fax, hoặc văn bản ủy quyền được Nhà đầu tư ký bằng chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật) cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó việc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định pháp luật về ủy quyền và người được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền hợp lệ cho ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp; hoặc
 - c) Thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định hiện hành.
2. Mỗi Chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
3. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết (tương ứng với tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành).
4. Trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
5. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc các hình thức biểu quyết điện tử khác được quy định từng thời điểm, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21.
6. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
7. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và biên bản này được lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của Nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư và gửi cho UBCKNN, Ngân hàng giám sát và cung cấp cho Nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
8. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 (ngoại trừ nội dung thay đổi Công ty quản lý quỹ), quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
9. Đối với nội dung thay đổi Công ty quản lý quỹ, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua không ít hơn bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết; và
 - b) Được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất tám mươi lăm phần trăm (85%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
10. Đối với các nội dung khác, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này.
11. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các công việc sau:
- a) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
 - b) Phát hành phiếu hỏi ý kiến có nội dung như sau:
 - (i) Tên Quỹ;
 - (ii) Lý do hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - (iii) Thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
 - (iv) Lựa chọn biểu quyết gồm: “nhất trí”, “không nhất trí” và “không có ý kiến”.
 - c) Gửi phiếu hỏi ý kiến cùng tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền dự họp Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN tối thiểu bảy (07) Ngày làm việc trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
 - d) Lập ban kiểm phiếu, trong đó phải có đại diện của Ngân hàng giám sát để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị quyết được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
12. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
13. Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm rằng mọi Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư khác để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng Chứng chỉ quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ mở khác do Công ty quản lý quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, Đại lý

phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức Giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ phát hành, phí dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ đại diện cho Nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản.
2. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là Người có liên quan với Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
4. Trong trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ, hoặc có thành viên Ban đại diện Quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, hoặc có thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện Quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
5. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ được thực hiện phù hợp với trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị.
6. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban đại diện Quỹ được thực hiện theo quy định pháp luật.
7. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là ba (03) năm. Thành viên của Ban đại diện Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban đại diện Quỹ của nhiệm kỳ vừa kết thúc hoạt động cho đến khi Ban đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban đại diện Quỹ.
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự; và
 - b) Có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật, am hiểu hoạt động kinh doanh quỹ đầu tư.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện Quỹ:
 - a) Thuộc trường hợp là tổ chức, cá nhân không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp; và
 - b) Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện Quỹ đại chúng và/hoặc Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và
 - c) Theo các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;
 - b) Xem xét, phê duyệt Sổ tay định giá do Công ty quản lý quỹ xây dựng, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;
 - c) Chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch và các trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức niêm yết có mức xếp hạng tín nhiệm dưới hạng BBB bởi một tổ chức định mức tín nhiệm;
 - d) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua hoặc theo quy định tại Điều lệ này; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - đ) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định pháp luật;
 - e) Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền bằng văn bản, Ban đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư quy định Điều 21 Điều lệ này, ngoại trừ quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 21. Khi đó, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về quyết định của Ban đại diện Quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư;

- g) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
 - h) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên Ban đại diện Quỹ phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và theo quy định tại Điều lệ này.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 28. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban đại diện Quỹ.
2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ; và
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 29. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trong trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
2. Trong trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn theo nguyên tắc nhất trí một trong số các thành viên độc lập trong Ban đại diện Quỹ tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 30. Hoạt động của Ban đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quỹ. Các cuộc họp của Ban

đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ, dưới hình thức họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

2. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp.
3. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ít nhất năm (05) ngày.
4. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
5. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên độc lập dự họp thông qua.
6. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trong trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quỹ tham dự họp ký biên bản họp và có đầy đủ nội dung thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
7. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hỗ trợ về nhân sự, thiết bị kỹ thuật, soạn thảo tài liệu trong các cuộc họp Ban đại diện Quỹ.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 25;
 - b) Có đơn từ chức và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:
 - a) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc truy tố;
 - b) Bị toà án tuyên bố mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm chức danh thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
 - d) Chết hoặc mất tích theo phán quyết, quyết định của toà án, cơ quan có thẩm quyền;
 - đ) Có văn bản thông báo thành viên Ban đại diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo uỷ quyền của Nhà đầu tư tổ chức;

- e) Tiết lộ các thông tin bảo mật làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ hoặc của một bên thứ ba có thỏa thuận bảo mật với Quỹ;
 - g) Không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ ba (03) lần liên tiếp mà không có lý do hợp lệ;
 - e) Vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội Nhà đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban đại diện Quỹ chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, tuy nhiên thành viên Ban đại diện Quỹ không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ.
3. Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Số lượng thành viên bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - b) Số lượng thành viên độc lập giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội Nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

CHƯƠNG VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- 2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát;
- 3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ ;
- 4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

- 1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
 - b) Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
 - c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:
 - (i) Ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;

Trong trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và phải cung cấp đầy đủ thông tin về tài khoản tiền gửi, các hợp đồng tiền gửi cho Ngân hàng giám sát để định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay và cung cấp các hợp đồng đó cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát, nếu có;

Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

- (ii) Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác mà Công ty quản lý quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty quản lý quỹ; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - (iii) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty quản lý quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;
 - (iv) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (v) Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện sau khi được chấp thuận bởi Đại hội Nhà đầu tư và/hoặc Ban đại diện Quỹ và các chủ thể khác theo quy định của pháp luật và được thông báo đầy đủ thông tin liên quan theo quy định của pháp luật;
 - (vi) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- d) Công ty quản lý quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty quản lý quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho

Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất;

- d) Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- (i) Thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
 - (ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư;
 - (iii) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty quản lý quỹ và các quy định tại Điều lệ này;
- e) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát;
- g) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;
- h) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, Sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật có liên quan và tại Điều lệ này;
- i) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp;
- k) Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty quản lý quỹ hoặc do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà đầu tư của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan;
- l) Công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét thấy là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản này;
- m) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận

biết Nhà đầu tư, xác minh và cập nhật thông tin Nhà đầu tư theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp Nhà đầu tư. Theo đó:

- (i) Trong trường hợp không gặp mặt trực tiếp Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin Nhà đầu tư và xác minh chính xác Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin Nhà đầu tư;
 - (ii) Công ty quản lý quỹ phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết Nhà đầu tư phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - (iii) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết Nhà đầu tư bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty quản lý quỹ phải thông báo tới UBCKNN;
 - (iv) Công ty quản lý quỹ phải tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết Nhà đầu tư bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp nếu UBCKNN có yêu cầu do xét thấy cần thiết.
- n) Trong trường hợp Quỹ được xác định là Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật Việt Nam, Công ty quản lý quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của Quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư;
- o) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Trước khi thực hiện, Công ty quản lý quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;
- p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
- (i) Giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và
 - (ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ. Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ đó được thành lập; quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn ba trăm (300) tỷ Đồng Việt Nam.
- q) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu

cầu;

- r) Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
- (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty quản lý quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty quản lý quỹ;
 - (ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác, bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
 - (iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty quản lý quỹ với các hoạt động quản lý Quỹ;
- s) Đảm bảo rằng khi Công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty quản lý quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty quản lý quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí hay giá dịch vụ và thưởng quy định trong Điều lệ này;
- t) Thực hiện các quyền liên quan đến tài sản của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; thay mặt Quỹ, thực hiện thanh toán các khoản phí hay giá dịch vụ và chi phí hợp lý hợp lệ của Quỹ;
- u) Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Ban đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;
- v) Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật;
- x) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban đại diện Quỹ, các Nhà đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- y) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay trong trường hợp sau:
- (i) Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là trọng yếu theo quy định của pháp luật.
 - (ii) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ này.
 - (iii) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều 11 Điều lệ này, quy định của pháp luật.

- (iv) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp được phép đầu tư vượt hạn chế đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này.
- aa) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ và theo quy định tại Điều lệ này.
2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:
- a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
 - b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
 - c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cho Quỹ bao gồm (nhưng không giới hạn bởi) hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối, hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyển nhượng với Đại lý chuyển nhượng;
 - e) Được hưởng các khoản phí hay giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - g) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
 - h) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Theo đề nghị Ban đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - b) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - d) Công ty quản lý quỹ bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ mới thay thế đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng đối với các trường hợp quy định điểm a, điểm b và điểm d khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ

phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế phải theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ
 - a) Trong trường hợp thay đổi Công ty quản lý quỹ theo điểm a khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí hay giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) để bù đắp những chi phí phát sinh do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng của Công ty quản lý quỹ.
 - b) Mức phí này sẽ bằng:
 - (i) 2% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là trước ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động; hoặc
 - (ii) 1,5% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.

Điều 35. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là Người có liên quan của Ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát (nếu có), Chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Trừ trường hợp tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ đang quản lý theo đúng quy định pháp luật và những trường hợp khác theo quy định pháp luật, Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.
3. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.
4. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ;
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ khác, công ty đầu tư chứng khoán và các khách hàng ủy thác khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không

- đầu tư vào tổ chức là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
- d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác.
- d) Không được đưa ra nhận định hoặc cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công ty quản lý quỹ; không được trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
5. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
6. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn và phải là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, được quyền thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ giám sát.
3. Đáp ứng điều kiện về nhân sự và năng lực để thực hiện dịch vụ giám sát, lưu ký của Quỹ
4. Ngân hàng giám sát phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
5. Ngân hàng giám sát phải đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:
 - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư của Quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan và

Điều lệ này;

- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định pháp luật có liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ này;
 - đ) Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty quản lý quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công ty quản lý quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
 - e) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - g) Giám sát hoặc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ này, đảm bảo việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ tuy nhiên Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, đồng thời có bản sao của văn bản từ chối đó gửi đến UBCKNN;
 - i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;
 - k) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ này;
 - l) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ này;
 - m) Xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập hoặc do Tổ chức được Công ty quản lý quỹ ủy quyền lập;
 - n) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng Nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi (nếu có);
 - o) Tuân thủ các quy định khác tại Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát;
 - p) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.
2. Quyền của Ngân hàng giám sát
- a) Hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định pháp luật;
 - b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
 - c) Kiểm tra, đề xuất và yêu cầu điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát nêu tại Điều lệ Quỹ để phù hợp với Hợp đồng giám sát và pháp luật Việt Nam.

- d) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 38. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động Ngân hàng giám sát của Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:
 - a) Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này.
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty quản lý quỹ và Người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ này. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty quản lý quỹ thực hiện các hoạt động xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - đ) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Luật chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán và tại Điều lệ này;
 - e) Xác nhận các báo cáo về Giá trị tài sản ròng của Quỹ, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập.
2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
3. Khi Công ty quản lý quỹ có yêu cầu bằng văn bản, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Ngân hàng giám sát được cung cấp dịch vụ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ cho Công ty quản lý quỹ, với điều kiện:
 - a) Bộ phận cung cấp dịch vụ này tại Ngân hàng giám sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử khách hàng với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát và các bộ phận kinh doanh khác của Ngân hàng giám sát; và
 - b) Bộ phận cung cấp dịch vụ này phải có nhân viên có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng

chỉ kiểm toán hoặc kế toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants) hoặc bằng đại học trở lên chuyên ngành kế toán, kiểm toán.

5. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ theo quy định pháp luật, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn năm (05) Ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ này.
6. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty quản lý quỹ.
7. Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ và/hoặc Nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm liên đới đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận dân sự giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, Hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;
 - d) Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký được chuyển giao cho Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định của pháp luật. Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho ngân hàng thay thế.
3. Trong trường hợp ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền cho các tổ chức khác cung cấp đối với các dịch vụ liên quan dưới đây theo đúng quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan:

1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư;
2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Điều 41. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí chung:
 - a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;
 - c) Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty quản lý quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
2. Tiêu chí kỹ thuật:

Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Công ty quản lý quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:
 - a) Bên nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi ủy quyền đã giao, phù hợp với các quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan; và
 - b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền; và
 - c) Bên nhận ủy quyền chịu trách nhiệm đối với công việc mà mình thực hiện phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
 - a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:
 - (i) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - (ii) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - (iii) Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này;
 - (iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công

ty quản lý quỹ.

- b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
- (i) Lập và quản lý Sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ;
 - (ii) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính;
 - (iii) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư;
 - (iv) Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - (v) Cung cấp cho Nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động Quỹ, Bản cáo bạch, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
 - (vi) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:
- a) Bên nhận ủy quyền phải lưu trữ các chứng từ, sổ sách có liên quan trong thời hạn mà pháp luật quy định; và
 - b) Bên nhận ủy quyền phải xây dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu thực hiện hoạt động được ủy quyền một cách thuận tiện và hiệu quả; và
 - c) Toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu liên quan đến các hoạt động được ủy quyền phải được bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ.

Điều 43. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

- 1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với Quỹ.
- 2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.
- 3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm như quy định nêu trên.
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
6. Xây dựng quy trình, hệ thống để bảo đảm rằng tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
7. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền (ngoại trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí, giá dịch vụ mà Quỹ trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở Hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan). Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - d) Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - đ) Theo đề nghị của Đại hội Nhà đầu tư;
 - e) Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
 - g) Quỹ bị giải thể;
 - h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty quản lý quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty quản lý quỹ chỉ định phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo việc chấm dứt hoạt động ủy quyền đến Nhà đầu tư.

CHƯƠNG IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ với Công ty quản lý quỹ.
2. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Chứng chỉ quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.
3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

Điều 46. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố.
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác; Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.
3. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ.
5. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư.
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN

theo yêu cầu của các tổ chức này.

7. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm Đại lý phân phối cho Công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty quản lý quỹ.

Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ, Bản cáo bạch, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ và Bản cáo bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác, cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo

với UBCKNN. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ khi phân phối Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

8. Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty quản lý quỹ.

Điều 48. Chấm dứt hoạt động của Đại lý phân phối

1. Đại lý phân phối bị chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tự nguyện chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ;
 - b) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ;
 - c) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.
2. Địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của Đại lý phân phối;
 - b) Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
 - c) Địa điểm phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

1. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền, Ban đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Công ty quản lý quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất với Ban đại diện Quỹ ít nhất 02 (hai) Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Quỹ.
2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b) Được UBCKNN cho phép thực hiện việc kiểm toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán; và
 - c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
 - d) Không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
3. Các báo cáo tài chính sẽ được soát xét bán niên và được kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty kiểm toán được lựa chọn. Công ty kiểm toán được chỉ định phải cam kết bảo mật mọi thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Công ty quản lý quỹ và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ty kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán và Điều lệ này, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Công ty kiểm toán nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng là Công ty kiểm toán, trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt

Nam.

Điều 50. Năm tài chính

Một Năm tài chính có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch (“**Năm tài chính**”). Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thời gian ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo hoặc cộng với kỳ kế toán năm trước đó để tính thành một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng phải ngắn hơn mười lăm (15) tháng.

Điều 51. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 52. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ (tháng, quý, bán niên, và thường niên) về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính bán niên và năm sẽ được soát xét và kiểm toán hàng năm bởi một Công ty kiểm toán độc lập.
3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng giám sát, từng thành viên Ban đại diện Quỹ và các Nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ này.
4. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 53. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về công bố thông tin và cung cấp cho Nhà đầu tư các báo cáo về hoạt động của Quỹ bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

1. Báo cáo về hoạt động của Quỹ;
2. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ;
3. Báo cáo định kỳ hoạt động đầu tư của Quỹ.

CHƯƠNG XI

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 54. Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:
 - a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
 - b) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của Quỹ. Các

nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.

Sổ tay định giá và danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2. Việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được Công ty quản lý quỹ thực hiện trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ và được Ngân hàng giám sát xác nhận phù hợp với quy định pháp Luật chứng khoán và Điều lệ này.
3. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát để xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Sổ tay định giá, Điều lệ này và quy định pháp luật.
4. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ. Đồng thời, phải thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý, và nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
5. Trong thời hạn tối đa ba (03) Ngày làm việc kể từ Ngày định giá, báo cáo về Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được nộp cho UBCKNN và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ cho Nhà đầu tư được thực hiện tại Ngày làm việc tiếp theo của Ngày định giá.
6. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát và theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 55. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng

Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Sổ tay định giá. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng tuân thủ và phù hợp với các quy định pháp luật quỹ đầu tư chứng khoán, được quy định tại Phụ lục IV của Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá.

Điều 56. Đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai lệch từ không phải bảy mươi lăm phần trăm (0,75%) Giá trị tài sản ròng trở lên, trừ trường hợp pháp luật chứng khoán có quy định khác.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và đã bán

- Chúng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư đã bán;
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
- a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
4. Mức đền bù bằng đúng mức thiệt hại và được xác định theo các căn cứ nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.
5. Mọi chi phí đền bù cho Nhà đầu tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này được hạch toán vào Quỹ nếu được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
6. Quỹ sẽ không thực hiện đền bù cho các Nhà đầu tư có mức đền bù ít hơn 100.000 (một trăm nghìn) Đồng Việt Nam và toàn bộ phần thanh toán cho Nhà đầu tư sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ trừ trường hợp Ban đại diện Quỹ có quyết định khác.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Nguyên tắc lựa chọn, tổ chức cung cấp báo giá:
- a) Công ty quản lý quỹ lựa chọn danh sách tổ chức cung cấp báo giá, tối thiểu gồm ba (03) tổ chức;
- b) Việc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá chỉ phục vụ cho việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ;
- c) Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý quỹ đề xuất và được Ban đại diện Quỹ thông qua.
2. Tiêu chí lựa chọn, tổ chức cung cấp báo giá:
- a) Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
- b) Các hệ thống báo giá trái phiếu;
- c) Không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
3. Thay đổi tổ chức cung cấp báo giá, chấm dứt cung cấp dịch vụ báo giá trong các trường hợp sau:
- a) Theo đề nghị của tổ chức cung cấp báo giá
- b) Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ
- c) Tổ chức cung cấp báo giá không còn đáp ứng tiêu chí là tổ chức cung cấp báo giá

CHƯƠNG XII

THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 58. Thu nhập của Quỹ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

1. Cổ tức;
2. Lãi trái phiếu;
3. Lãi tiền gửi;
4. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
5. Các khoản thu nhập khác.

Điều 59. Các chi phí do Nhà đầu tư trả

1. Giá dịch vụ phát hành lần đầu (nếu có) là giá dịch vụ Nhà đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ trong đợt chào bán Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ phát hành lần đầu được tính theo tỷ lệ phần trăm của tổng giá trị mua và quy định cụ thể tại Bản cáo bạch.
2. Giá dịch vụ phát hành trong các lần giao dịch Chứng chỉ quỹ tiếp theo là giá dịch vụ Nhà đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ sau đợt chào bán Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ phát hành này được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá dịch vụ phát hành trong các lần giao dịch Chứng chỉ quỹ tiếp theo được tính theo tỷ lệ phần trăm của tổng giá trị đăng ký mua và quy định cụ thể tại Bản cáo bạch.
3. Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Chứng chỉ quỹ tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại được tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị bán được thực hiện và quy định cụ thể tại Bản cáo bạch.
4. Các giá dịch vụ này sẽ được trả cho Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối. Phần thanh toán cho Đại lý phân phối sẽ được tính toán dựa trên hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối. Ngân hàng giám sát, lưu ký sẽ chuyển trả trực tiếp phần giá dịch vụ này cho Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối dựa trên kết quả tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và chỉ thị thanh toán của Quỹ. Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối sẽ xuất hóa đơn cho Nhà đầu tư tương ứng với phần giá dịch vụ Nhà đầu tư đã trả.
5. Công ty quản lý quỹ có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm các mức Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại. Giá dịch vụ phát hành tối đa năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại tối đa ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

Điều 60. Các chi phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ:
Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 1,4% (một phẩy bốn phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản

ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ tại các Ngày định giá được tính theo công thức như sau:

- $\text{Giá dịch vụ quản lý Quỹ} = 1,4\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

2. Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,06% (không phẩy sáu phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là: 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính theo công thức như sau:

- $\text{Giá dịch vụ lưu ký} = 0,06\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ lưu ký sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

3. Giá dịch vụ quản trị và giám sát

Giá dịch vụ quản trị và giám sát quỹ là 0,05% (không phẩy năm phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản trị và giám sát được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

- $\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = 0,03\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$. Mức phí tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng.
- $\text{Giá dịch vụ giám sát quỹ} = 0,02\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$. Mức phí tối thiểu là: 7.000.000 (bảy triệu) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng

Ghi chú: đối với giá dịch vụ lưu ký, quản trị và giám sát: Biểu phí/giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) cho từng loại nghiệp vụ phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ quản trị và giám sát quỹ sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

4. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng là mức giá dịch vụ được chi trả hàng tháng cho Đại lý chuyển nhượng. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng.

5. Chi phí/giá dịch vụ kiểm toán trả cho Công ty kiểm toán.
6. Chi phí/giá dịch vụ trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.
7. Chi phí/giá dịch vụ dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện Quỹ.
8. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ.
9. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
10. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
11. Các chi phí khác theo quy định pháp luật.
12. Thuế đánh trên các phí hay giá dịch vụ và các loại lệ phí khác:

Quỹ sẽ thanh toán các khoản Giá dịch vụ quản lý Quỹ cho Công ty quản lý quỹ; giá dịch vụ giám sát, phí hay giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng giám sát; giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại phí hay giá dịch vụ nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

Điều 61. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

1. Quỹ có thể phân phối lợi tức bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ cho các Nhà đầu tư theo tỷ lệ sở hữu Chứng chỉ quỹ tương ứng của Nhà đầu tư, đảm bảo nguyên tắc:
 - a) Lợi tức phân phối cho các Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật;
 - b) Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo (i) có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và (ii) Giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 (bằng chữ: năm mươi tỷ) Đồng Việt Nam;
 - c) Trong trường hợp phân chia lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân chia căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
2. Lợi tức được phân chia cho Nhà đầu tư theo đề xuất của Công ty quản lý quỹ về kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện và mức chi trả phù hợp với quy định tại Điều lệ này. Phương án phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định). Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Nhà đầu tư theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của Nhà đầu tư theo mẫu mà pháp luật quy định.
3. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư và cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung đối với thông tin, báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ

bao gồm các nội dung sau:

- a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ);
- b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ quỹ);
- d) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
- đ) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

CHƯƠNG XIII

HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 62. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình hợp nhất, sáp nhập Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 63. Chia, tách Quỹ

1. Việc chia, tách quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận
2. Việc chia, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình chia, tách Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 64. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện Quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ khác thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt Hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt Hợp đồng giám sát hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - d) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình thanh lý, giải thể Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định của pháp luật. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

CHƯƠNG XIV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 65. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:
 - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - b) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của các Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc/Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
3. Công ty quản lý quỹ phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối; hoặc
 - b) Các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư thông kê giao dịch, số dư trên tài khoản và báo cáo về thay đổi Giá trị tài sản ròng của Quỹ.
3. Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu Quỹ, gồm Bản cáo bạch, các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, và các báo cáo khác bán niên và hàng năm khác theo quy định của pháp luật.
4. Các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà đầu tư. Thời hạn công bố không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa Năm tài chính; và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Nhà đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.
6. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này không còn phù hợp, Đại hội Nhà đầu tư sẽ được triệu tập để xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ do lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm, số thứ tự của các chương hoặc điều thì không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.
2. Trong mọi trường hợp, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được báo cáo cho UBCKNN theo quy định pháp luật.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 68. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 68 Điều và 04 Phụ lục, được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày tháng năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Các Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Đại lý phân phối và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này. Nhà đầu tư đăng ký mua Chứng chỉ quỹ được coi là đã thông qua, đồng ý thực hiện theo các quy định tại Điều lệ này (bao gồm nội dung sửa đổi, bổ sung trước thời điểm đăng ký mua Chứng chỉ quỹ).
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc ít nhất là hai phần ba (2/3) thành viên Ban đại diện Quỹ.
4. Điều lệ này được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, trong đó:
 - a) một (01) bản để báo cáo với UBCKNN;
 - b) một (01) bản được lưu tại Công ty quản lý quỹ; và
 - c) một (01) bản được lưu tại Ngân hàng giám sát.
5. Đính kèm cùng Điều lệ này là các Phụ lục sau:
 - a) Phụ lục 1: Cam kết của Công ty quản lý quỹ; và
 - b) Phụ lục 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát; và
 - c) Phụ lục 3: Cam kết chung của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
 - d) Phụ lục 4: Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Họ và Tên: **Pham Pho Hop**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/08/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Các từ và thuật ngữ được viết hoa được sử dụng tại văn bản này, trừ khi được định nghĩa khác đi, sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bản Việt (VCAMFI).

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản phí hay giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các Phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp mà pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng

năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Họ và Tên: **Pham Pho Hop**
Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2003, Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ.
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Họ và Tên:

Chức vụ:

PHỤ LỤC 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
BẢN VIỆT**

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/08/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 02/5/2003, Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Các từ và thuật ngữ được viết hoa được sử dụng tại văn bản này, trừ khi được định nghĩa khác đi, sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bản Việt (VCAMFI).

Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng cam kết thực hiện các nghĩa vụ và các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM**

Họ và tên: **Phạm Pho Hop**
Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Họ và tên:
Chức vụ:

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ

I. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

1. Ngày định giá

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào các Ngày làm việc trong tuần. Nếu Ngày định giá nêu trên không phải là một Ngày làm việc thì Ngày định giá đó sẽ được chuyển sang Ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty quản lý quỹ.

Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

2.1. Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ phải trả có liên quan (như Giá dịch vụ quản lý Quỹ, giá dịch vụ giám sát, phí hay giá dịch vụ lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại ngày trước Ngày định giá.

Tại Ngày định giá, Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền/ủy thác sẽ tiến hành việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo các nguyên tắc sau đây:

ii. Giá trị tài sản:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày định giá
3.	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá trái phiếu có biến động bất thường, là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

7.	Trái phiếu không niêm yết	Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày định giá; hoặc là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom	- Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba mươi (30) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. - Cổ phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch Chứng Khoán: giá được xác định là như định giá “Cổ phần và phần vốn góp khác” bên dưới - Đối với Chứng chỉ quỹ niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch: + Từ thời điểm Quỹ đại chúng được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của Chứng chỉ quỹ đó, giá được xác định là Giá mua Chứng chỉ quỹ đó. + Từ kỳ định giá đầu tiên đến trước kỳ giao dịch đầu tiên của Chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán, giá được xác định là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại Ngày định giá gần nhất của Quỹ.

9.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá) do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức cung cấp báo giá; hoặc; + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá	Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá xác định theo phương pháp, mô hình lý thuyết được Ban đại diện Quỹ chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát

hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;

iii. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1.	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x mệnh giá x giá thị trường hiện tại của trái phiếu x hệ số delta
3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị tính trên một điểm chỉ số x mức chỉ số hiện tại
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

- Khi tính giá trị cam kết, Công ty quản lý quỹ được áp dụng: (i) nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ; (ii) nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ; (iii) các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

- Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

- Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

- Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

2.2. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến

ngày trước Ngày Định Giá.

- 2.3. Giá trị tài sản ròng (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ
- 2.4. Giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
- 2.5. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ quỹ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

II. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Vào Ngày định giá, Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền/ủy thác thực hiện xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ các theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Phần I Phụ lục này.
2. Đối với giá trái phiếu chưa niêm yết: Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền/ủy thác thực hiện lấy giá từ tổ chức cung cấp báo giá trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.
3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được chuyển cho Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận.
4. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
5. Trong thời hạn tối đa ba (03) Ngày làm việc kể từ Ngày định giá, Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác cho Nhà đầu tư.